TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2021
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoàng Mai

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Đinh T, sinh năm: 1993.

Thường trú: 71/14 ĐĐ, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 55/39 T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Ngô Quốc T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Khu dân cư C, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2020, bản tự khai ngày 08 tháng 12 năm 2020 và các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Đinh T trình bày:

Bà và ông Ngô Quốc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 11/02/2020. Vợ chồng sống chung tại nhà ba mẹ của bà tại địa chỉ 55/39 TL, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, sống được 14 tháng thì vợ chồng dọn về nhà mẹ chồng ở ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ chồng được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc, về chung lo con chung vợ chồng không thể chia sẻ nhau, thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên chửi bới, có lời lẽ xúc phạm bà và gia đình bà, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và từ tháng 5/2020 bà N đưa con là cháu Ngô Trần Bảo N về nhà ba mẹ ruột bà sống cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, ông T không có biểu hiện thái độ hoặc liên lạc để hàn gắn vợ chồng, không quan tâm con cái, bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và tình cảm ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn lại được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Quốc T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Trần Bảo N, sinh ngày: 19/12/2019. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Ngô Quốc T đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông T không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà Trần Đinh T là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Đinh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Trần Đinh T có đơn xin ly hôn với ông Ngô Quốc T, sinh năm: 1993, có hộ khẩu thường trú: Khu dân cư C, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Trần Đinh T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Ngô Quốc T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Đinh T và ông Ngô Quốc T tự nguyện chung sống vào năm 2019, đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 11/02/2020, như vậy hôn nhân giữa bà T và ông T được pháp luật công nhận.

Vợ chồng bà T sống chung tại nhà ba mẹ của bà T tại địa chỉ 55/39 TL, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, sống được 14 tháng thì vợ chồng dọn về nhà mẹ chồng ở ấp B, xã B, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ chồng được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc, về chung lo con chung vợ chồng không thể chia sẻ nhau, thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên chửi bới, có lời lẽ xúc phạm bà T và gia đình bà T, mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và từ tháng 5/2020 bà T đưa con là cháu N về nhà ba mẹ ruột bà T sống cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, ông T không có biểu hiện thái độ hoặc liên lạc để hàn gắn vợ chồng, không quan tâm con cái, bà T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và tình cảm ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn lại được. Vì vậy, bà Trần Đinh T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Quốc T.

- Về quan hệ con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là cháu Ngô Trần Bảo N, sinh ngày: 19/12/2019, hiện đang ở với bà T. Qua ghi nhận ý kiến bà T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà T là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T trực tiếp nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ, lời đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do bà Trần Đinh T là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Đinh T được ly hôn với ông Ngô Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Ngô Trần Bảo N, sinh ngày: 19/12/2019 cho bà Trần Đinh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Ngô Quốc T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được

quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của bà T không có tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí: Bà Trần Đinh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2011/07168 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà Trần Đinh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Phúc